

Chưa có tên tác giả

TỬ VỊ ĐIỆN TỬ

TẬP 1

Nhà xuất bản Hồng Hoa

LỜI NÓI ĐẦU

Tất cả các môn bói toán Đông-Phương như bói quẻ, bói dịch, bói âm-dương, Tử-vi Đầu-số, Tử-bình, v.v... đều thoát thai từ Kinh Dịch.

Trong các môn bói toán này, Khoa Tử-vi Đầu số là có vẻ Khoa-học hơn cả. Thời nay, người ta cho rằng Khoa Tử-vi Đầu-số là do Hi-Di Trần-Đoàn Tiên-sinh, đời Đường, sáng tạo. Nhưng xét cho cùng Hi-Di-tiên sinh chưa phải là người đầu tiên sáng tạo, mà chỉ là người có công trình bày, hệ-thống-hóa Khoa Tử-vi Đầu số một cách hoàn hảo hơn cả, vì trước tiên-sinh đã có nhiều người nghĩ ra cách đoán số Tử-vi bằng cách căn cứ vào năm sinh, ngày sinh, tháng sinh, giờ sinh, chọp nên đã cố công ghi chép lại ngày giờ năm tháng sinh của từng nhân vật danh tiếng như Đức Không Phu Tử, Hận Cao Tô, Trương Lương, Thạch Sùng v.v.. đã sinh ra trước tiên sinh cả hàng ngàn năm. Như thế Khoa Tử-vi Đầu-số là do công trình của nhiều người, qua nhiều thời-đại, chiêm-nghiệm theo kinh nghiệm và có lẽ đã áp dụng phương-pháp thống-kê đề sáng tạo.

Khoa Tử-vi Đầu-số hiện còn vấp phải một khuyết điểm lớn là cách lập thành một lá số rất khó khăn và cách giải đoán cũng rất phức-tạp vì phần nhiều chỉ căn cứ vào những câu thơ-phú để giải đoán. Như vậy thiết-tưởng nên cải tiến lại cách lập thành một lá số cho thật nhanh chóng, giản-tiện và phải hệ-thống-hóa cách giải-đoán, mới có thể tiến tới Tử-vi Điện-tử. Sau này chúng ta chỉ cần sắp đặt những dữ-kiện cho vào máy và sẽ được một đáp số chính xác trong một thời gian ngắn. Tuy nhiên, dầu mang tên tử-vi Điện-tử, sách này chỉ mới là bước đầu đặt chân vào địa hạt Tử-vi Điện-tử.

Có người đã chỉ trích, nếu dùng Tử-vi Điện-tử để đoán số mệnh cho một người một cách máy móc thì còn đâu là cách giải đoán linh động, như trường hợp « Đức năng thắng số » của Phùng-Xuân, nhờ ấn ở nhân đức, đã cải được số mệnh, đáng lẽ phải chết yểu lại được sống lâu vinh-hiền.

Suy ra những lời chỉ-trích trên không phải là không đúng, nhưng trường hợp « Đức năng thắng số » là trường hợp rất đặc-biệt, họa-hoàn lắm mới có, còn những trường hợp thông thường thì luôn luôn xảy ra, lẽ tất nhiên rất phù hợp với đáp số của máy móc. Và lại, khi đã có đáp số của máy, chúng ta có thể gia giảm linh-động tùy theo trường hợp của từng người. Chẳng hạn như áp dụng một câu triết-lý của Thánh-hiền : « Đức bạc nhi vị tôn, trí tiều nhi mưu đại, lực tiều nhi nhiệm trọng, tiền bất cập hi », nghĩa là « Đức mỏng mà ngôi tôn, trí nhỏ mà mưu lớn, sức yếu mà gánh nặng, hết thầy đều chẳng kịp vậy. — Câu này áp dụng vào thời nào, hoàn-cảnh nào cũng đều đúng và chúng tôi đã có dịp áp-dụng để giải-đoán một vài trường-hợp đều đúng phùng-phúc.

Sách Tử-Vi Điện-tử trọn bộ gồm có 3 cuốn :

Cuốn nhất : Cách lập thành một lá số Tử-vi.

Cuốn hai : Cách giải đoán.

Cuốn ba : Cách thực-hành giải đoán.

Cả ba cuốn sách này đều theo phương-pháp mới, không áp dụng những phương-pháp cũ như các sách hiện giờ, vì cố sửa-soạn cho cách áp-dụng vào ngành Điện-tử trong mai hậu.

Ngoài ra còn có cuốn « Cầm-năng Tử-vi Điện-Tử » gồm 12 tập, giúp quý vị tự giải đoán một cách tổng-quát vận hạn từng năm và liên tiếp đến trọn đời theo một chu kỳ là 12 năm, nếu quý vị chỉ biết được có năm sinh của mình.

Trước sự trước tác mới-mẻ này, chúng tôi nghĩ rằng không thể tránh khỏi những điều khiếm-khuyết có thể xảy ra. Vậy xin quý vị cao minh vui lòng chỉ giáo cho.

TÁC-GIẢ TỬ-VI ĐIỆN-TỬ

1003-14-1988
Uranus

Chương thứ Nhất

ĐỊNH-NGHĨA TỔNG-QUÁT DANH-TỪ TỬ-VI

Phạm sách TỬ-VI nào cũng có hai phần : phần lập thành và phần đoán tử-vi.

Cách lập thành một lá số của sách xưa rất là phiền phức, mất rất nhiều thì giờ và thường dễ lẫn lộn. Trái lại, phương-pháp của sách này rất mới mẻ, đơn-giản, không còn dạy cách bố trên bàn tay hay cách tính bấm xuôi, bấm ngược, giờ, ngày, tháng, năm, mà có thể lập ngay một lá số tử-vi của bất cứ ai trong một thời-gian ngắn, chẳng cần phải suy tính, nghĩ-ngợi gì cả. Về phần đoán cũng được sắp xếp và diễn tả theo một đường hướng mới-mẻ và hợp-lý hơn.

Với phương-pháp này, soạn-giả hy-vọng bất cứ ai cũng có thể học bỏ và tự đoán cho mình một lá số khỏi phải nhờ vả ai, nhiều khi chi mất tiền mà còn mua lấy lo-lãng, ưu-phiền. Hơn nữa, thiết tưởng rằng với phương-pháp mới này sẽ đưa ngành Tử-Vi đến địa-hạt điện-tử trong mai hậu.

Thường lập thành một lá số Tử-Vi là phải căn-cứ vào giờ, ngày, tháng, năm sinh của người xin đoán số để bố hơn 100 ngôi sao vào 12 cung tử-vi, tiếp đấy mới có thể đoán được.

Song le, ta phải thông hiểu một cách chính-xác, rõ-ràng các dữ-kiện trên mới tránh khỏi những sai lầm đáng tiếc.

A. — GIỜ

Thuở xưa, trước đời Vũ-Đế nhà Hán (thế-kỷ thứ 2 trước Tây lịch), mỗi ngày đêm chia làm 10 giờ, mỗi giờ có 10 khắc (mỗi ngày đêm có 100 khắc).

Từ đời Hán-vũ-Đế đến Khương-Hi nhà Thanh (thế-kỷ thứ 17) mỗi ngày đêm chia làm 12 giờ, mỗi giờ có 8 khắc, ngoại trừ giờ Tí và giờ Ngọ có 10 khắc nghĩa là một ngày đêm vẫn có 100 khắc).

Từ Khương-Hi đến nay, mỗi ngày đêm chia làm 12 giờ mỗi giờ có 8 khắc. Giờ được tính theo địa-chi (Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, giờ thứ nhất gọi là giờ Tí, giờ thứ hai là giờ Sửu v.v...).

Ở Việt-Nam, dân chúng chịu ảnh-hưởng văn-hóa của Trung-Hoa, đầu cho sau này, trong nước đã áp-dụng giờ Tây-phương, họ vẫn còn dùng giờ Đông-phương. Nếu tính theo Tây-phương, mỗi ngày đêm có 24 giờ và giờ Tây-phương áp-dụng lần đầu tiên tại Việt-Nam (1911) là múi giờ thứ bảy (7^e fuseau horaire), nghĩa là nếu tính theo giờ Quốc-Tế tại kinh-tuyến Greenwich là 0 giờ thì tại Việt-Nam phải cộng thêm 7 giờ. Nhưng tiếc thay, giờ tại Việt-Nam lại không được ấn-định một cách cố-định mà phải thay đổi tùy theo mỗi Chính-Phủ và từng thời kỳ (xin xem bảng kê dưới đây). Như vậy giờ Đông-Phương bằng hai giờ Tây-Phương, tính theo múi giờ thứ 7 được kê như sau :

BẢNG ĐỔI CHIẾU GIỜ ĐÔNG - PHƯƠNG VÀ TÂY - PHƯƠNG (MÚI GIỜ THỨ 7)

BAN NGÀY		BAN CHIỀU VÀ BAN ĐÊM	
GIỜ Đông-phương	GIỜ Tây-phương	GIỜ Đông-phương	GIỜ Tây-phương
Giờ Sửu	1 giờ — 3 giờ	Giờ Mùi	Từ 13 giờ đến 15 giờ
— Dần	3 giờ — 5 giờ	— Thân	Từ 15 — đến 17 —
— Mão	5 giờ — 7 giờ	— Dậu	Từ 17 — đến 19 —
— Thìn	7 giờ — 9 giờ	— Tuất	Từ 19 — đến 21 —
— Tỵ	9 giờ — 11 giờ	— Hợi	Từ 21 — đến 23 —
— Ngọ	11 giờ — 13 giờ	— Tí	Từ 23 — đến 01 —

BẢNG KÊ GIỜ ÁP-DỤNG TẠI ĐÔNG-DƯƠNG

Ngày tháng áp-dụng kể từ	Khu vực áp-dụng	Múi giờ	GIỜ Tí được tính	Cước- Chú
1-5-1911	Các nước ở Đông-Dương (VN, Lào và Cam-Bốt)	7	Từ 23g. — 1g.	Chính-thức áp-dụng lần đầu tiên
1-1-1943	Các nước tại Đông-Dương	8	Từ 24g. — 2g.	kể từ 23 giờ ngày 31-12-1942
14-3-1945	-nt-	9	Từ 1g. — 3g.	kể từ 23 giờ ngày 14-3-1945

Tháng 9 năm 1945	Bắc-phần và Trung-phần V.N.	7	Từ 23g. — 1g.	Khi Nhật thất trận.
1-4-1947	Nam-phần V.N. Lào, Cám-Bốt, các Tỉnh lớn tại V.N. (vùng thuộc ảnh-hưởng Pháp)	8	Từ 24g. — 2g.	Nghị-định 28-3-1947.
	Các vùng thuộc Việt-Minh kiểm-soát	8	Từ 24g. — 2g.	
15-4-1955	Lào	7	Từ 23g. — 1g.	Sau Hiệp-định Genève những vùng từ vĩ-tuyến 16 trở ra áp-dụng giờ này cho đến nay.
1-7-1955	Việt-Nam Cộng-Hòa (từ vĩ-tuyến 16 trở vào)	7	Từ 23g. — 1g.	Kể từ 1 giờ ngày 1-7-1955.
1-1-1960	Trên toàn quốc V.N. Cộng - Hòa (giờ pháp định).	8	Từ 24g. — 2g.	Kể từ 23g ngày 31-12-1959.

GHỊ-CHÚ : (Những phần ghi chú trong sách này dành cho các bạn muốn tham khảo thêm).

Muốn định danh mỗi giờ trong mỗi ngày, người ta lấy Thiên can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý) ứng hợp với Thiên-can của ngày hôm ấy rồi ghép vào địa-chỉ (Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi) của giờ theo cách-thức sau đây :

- Ngày có Thiên-can Giáp hay Kỷ thì giờ đầu tiên gọi là giờ Giáp-Tí.
- Ngày có Thiên-can Ất hay Canh thì giờ đầu tiên gọi là giờ Bính-Tí.
- Ngày có Thiên-can Bính hay Tân thì giờ đầu tiên gọi là giờ Mậu-Tí.
- Ngày có Thiên-can Đinh hay Nhâm thì giờ đầu tiên gọi là giờ Canh-Tí.
- Ngày có Thiên-can Mậu hay Quý thì giờ đầu tiên gọi là giờ Nhâm-Tí.

Giả như, ngày Kỷ-Tỵ thì giờ thứ nhất là Giáp-Tí, giờ thứ hai là Ất-Sửu, v.v...

8. — NGÀY

Mỗi tháng Tây-lịch, nếu là tháng đủ thì có 31 ngày (tháng 1, 3, 5, 7, 8, 10 và 12), tháng thiếu thì có 30 ngày (tháng 4, 6, 9, 11) ngoại